

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H**

---***---

Bản án số: 110/2023/HSST

Ngày: 20/10/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DA2
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu H1.
- **Hội thẩm nhân dân:** Bà Vũ Thị T và bà Lê Thị O.
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Trang V – Thư ký TA.
- **Đại diện VKSND huyện K:** Bà Lê Thị T1 - KSV.

Hôm nay, ngày 20/10/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2023/HSST ngày 03/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/HSST-QĐXX ngày 10/10/2023 đối với bị cáo: **Hoàng Văn N**, Sinh năm: 1986; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh trú quán: thôn A, xã T2, huyện K, tỉnh H; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông: Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị H2; A2 chị em: gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là Phạm Thị Kim A1, sinh năm 1984 và có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2014; **Tiền án:** Ngày 17/8/2021, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xử 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 27/7/2022; **Tiền sự:** Không; **Nhân thân:** Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. (Có mặt tại phiên tòa)

***/Những người làm chứng:**

1. Chị Hoàng Thị A2, sinh năm 1984; Trú tại: thôn A, xã T2, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt);
2. A2 Nguyễn Văn L, sinh năm 1981; Trú tại: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 23/6/2023, Hoàng Văn N sinh năm 1986 ở thôn A, xã T2, huyện K mang theo 400.000đ đi bộ ra đường 379 rồi đi nhờ xe của một người không biết tên và địa chỉ đến xã D, huyện K tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến Trung tâm thương mại, xã D thì N gặp một người đàn ông lạ mặt khoảng 40 tuổi nhìn giống người nghiện. N tiến lại gần và hỏi: “A2 có hàng

không để cho em hai quả?" (tức là N hỏi mua hai gói ma túy). Người đàn ông nói: "Có" nên N lấy từ trong túi quần ra 200.000đ đưa cho người đàn ông và được người này đưa lại 02 gói nhỏ được bọc bằng giấy màu trắng loại vở học sinh bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột. N cầm gói 02 gói này cất vào túi quần phía trước bên trái, rồi đi tìm nơi để sử dụng. Khi đi đến đường bê tông thôn Đ, xã D thì N bị lực lượng Công an xã D kiểm tra, phát hiện. N lấy từ trong túi quần soóc phía trước bên trái 02 gói giấy màu trắng (loại giấy vở học sinh) giao nộp cho Công an xã để niêm phong theo quy định. Cùng ngày, Công an xã D bàn giao đối tượng và vật chứng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện K để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 23/6/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Văn N nhưng không thu giữ gì liên quan đến ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 398/KL-KTHS(MT) ngày 26/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong, có khối lượng là 0,318gam (*Không thấy ba một tám gam*), là ma túy loại: Heroine. Hoàn 01 phong bì niêm phong bên trong có 0,302gam Heroin là mẫu hoàn lại sau giám định.

Tại bản cáo trạng số 110/CT-VKSKC, ngày 03/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2013.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo N và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52; điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo N từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/6/2023; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K còn đề nghị về đường lối xử lý vật chứng trong vụ án.

- Bị cáo N nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, được nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

- Những người làm chứng là chị Nguyễn Thị A2 và anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo N đã thừa nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản đóng, mở niêm phong; Lời khai của những người làm chứng là anh chị Hoàng Thị A2 và anh Nguyễn Văn L; Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, phù hợp với vật chứng thu giữ được và tất cả các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 08 giờ 50 phút ngày 23/6/2023, tại thôn thôn Đ, xã D, huyện K, Hoàng Văn N đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,318 gam Heroine với mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo N theo tội dA2 và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 110/CT-VKSKC, ngày 03/10/2023 là có căn cứ.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo N gây nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ: Bị cáo đã vi phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được Bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an. Bản thân bị cáo N nhận thức rất rõ tác hại của ma túy, biết được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo đã sẵn sàng vi phạm pháp luật hết lần này đến lần khác, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước. Bản thân bị cáo là một minh chứng rõ nét cho những điều phân tích nêu trên. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4.1]. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân rất xấu, từng bị đưa ra xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, sau khi chấp hành xong bản án thì bị cáo vẫn chứng nào tật đấy.

[4.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 74/2021/HS-ST, ngày 17/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện K đã xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng

tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 27/7/2022. Đối chiếu với quy định của BLHS năm 2015 thì lần phạm tội này thuộc trường hợp đã bị kết án chưa được xóa án tích, lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

[4.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người khó cải tạo, đã từng bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật, sau khi chấp hành xong bản án nêu trên bị cáo đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, lần phạm tội này cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và việc bị cáo Tàng trữ trái phép chất ma túy cũng để phục vụ con nghiện của mình chứ không có mục đích tư lợi nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 5 Điều 249 của BLHS năm 2015, để phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng trong vụ án: Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật chứng trong vụ án được nhà nước độc quyền quản lý, cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy 0,318gam (*Không phải ba một tám gam*) Heroine hoàn lại sau giám định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo N phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Hoàng Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”,

Xử phạt: Hoàng Văn N 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 23/6/2023).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015. Tịch thu cho tiêu hủy 0,318gam (*Không thấy ba một tám*), Heroine hoàn lại sau giám định (Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 85/QĐ-VKS - KC ngày 03/10/2023 của VKSND huyện K).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Hoàng Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 20/10/2023).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY;
- VKSND tỉnh HY;
- VKSND huyện KC;
- Công an huyện KC;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Bị cáo;
- UBND xã T2;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Thu H1

